

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 22/10/2018.

“V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lại Thiện Phong

2. Bà Nguyễn Thị Hiếu.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Thái Kim Phương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa:*** Ông Dương Minh Kha - Kiểm sát viên

Trong ngày 22 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 149/2018/TLST – HNGĐ, ngày 26 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2018/QĐXXST – HNGĐ, ngày 01 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** chị **Phạm Minh H**, sinh năm 1978; cư trú tại: ấp K, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. ***Bị đơn:*** anh **Trương Thanh N**, sinh năm 1980; cư trú tại: ấp K, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

(chị Phạm Minh H và anh Trương Thanh N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Minh H trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2000, chị H và anh N có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn do chị H và anh N thường xuyên cãi nhau và chị H đã ly thân với anh N khoảng 01 năm nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị H yêu cầu xin ly hôn với anh N.

Về con chung: Giữa chị H và anh N có với nhau 02 người con chung, các cháu tên Trương Thanh H, sinh ngày 29/8/2001 và Trương Quyền Q, sinh ngày

01/01/2005. Hiện nay cháu H và cháu Q đang sống với chị H. Nay chị H yêu cầu nuôi con nhưng không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H và anh N đã tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị H không yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 26/7/2018, bị đơn anh Trương Thanh N trình bày: Vào năm 2000, anh N và chị H có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng anh N và chị H chung sống hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi nhau và anh N đã ly thân với chị H khoảng 01 năm nay. Nay chị H yêu cầu xin ly hôn với anh N thì anh N đồng ý. Trong quá trình chung sống giữa anh N với chị H có với nhau 02 người con chung, các cháu tên Trương Thanh H, sinh ngày 29/8/2001 và Trương Quyền Q, sinh ngày 01/01/2005. Hiện nay cháu H và cháu Q đang sống với chị H. Nay chị H yêu cầu nuôi con nhưng không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con thì anh N đồng ý. Về tài sản chung, anh N và chị H đã tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh N không yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự: thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Phạm Minh H và anh Trương Thanh N là vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao hai cháu Trương Thanh H, sinh ngày 29/8/2001 và Trương Quyền Q, sinh ngày 01/01/2005 cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Do chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên anh N không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng anh N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Về quan hệ tài sản chung: Chị H và anh N đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặc ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con mà bị đơn anh Trương Thanh N cư trú tại ấp K, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu được quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Việc xét xử vụ án khi chị Phạm Minh H và anh Trương Thanh N có đơn xin xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H yêu cầu xin ly hôn với anh Trương Thanh N, Hội đồng xét xử, xét thấy: Chị H và anh N thừa nhận vào năm 2000 có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng đến nay anh, chị chưa có đăng ký kết hôn. Nay chị H xin ly hôn với anh N thì anh N cũng đồng ý. Tuy nhiên, theo Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này mà chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận chị H và anh N là vợ chồng.

[2] Về quan hệ con chung: Chị Phạm Minh H và anh Trương Thanh N xác định giữa anh, chị có với nhau 02 đứa con chung là cháu Trương Thanh H, sinh ngày 29/8/2001 và Trương Quyền Q, sinh ngày 01/01/2005 hiện tại cháu H và cháu Q đang sống chung với chị H. Nay chị H xin nuôi hai cháu và không có yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung, anh N cũng đồng ý với yêu cầu của chị H. Mặt khác, tại bản tự khai ngày 26 tháng 7 năm 2018 của cháu H và cháu Q có nguyện vọng được sống chung với chị H. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tiếp tục giao cháu H và cháu Q cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Do chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên anh N không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng anh N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Chị Phạm Minh H và anh Trương Thanh N đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét, giải quyết.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu là phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử ghi nhận toàn bộ.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Phạm Minh H phải chịu số tiền 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Phạm Minh H và anh Trương Thanh N là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao hai cháu Trương Thanh H, sinh ngày 29/8/2001 và Trương Quyền Q, sinh ngày 01/01/2005 cho chị Phạm Minh H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Do chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên anh N không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng anh N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Phạm Minh H và anh Trương Thanh N đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Phạm Minh H phải nộp 300.000 đồng. Do chị H đã dự nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005838, ngày 26/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ.

"Trường hợp bản án, quyết định được Thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân ;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện hồng Dân;;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Bình